

Bản án số: 351/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2019

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn To;
2. Ông Phạm Thế Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 444/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Hùng C, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Tổ 15, ấp 3, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: Tổ 15, ấp 3, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai về việc ly hôn đề ngày 10/12/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trần Hùng C trình bày: Hôn nhân của anh chị là

do anh, chị tự tìm hiểu tình cảm yêu thương nhau trước và được cha mẹ hai bên đồng ý nên anh chị tự về chung sống với nhau từ năm 1998, không có tổ chức lễ cưới, cũng không có đăng ký kết hôn. Sau khi vợ chồng chung sống với nhau có hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2008 cho đến nay. Nguyên nhân: anh C cho rằng do chị M lâm vào tệ nạn xã hội (đánh bạc), anh khuyên can nhiều lần nhưng chị M không thay đổi. Đến năm 2010 thì vợ chồng thỏa thuận ly hôn nhau, nhưng không có làm thủ tục ly hôn tại Tòa. Vợ chồng chỉ tự thỏa thuận với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh C yêu cầu được ly hôn với chị M. Trong thời gian chung sống anh chị có 02 đứa con chung tên Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 25/4/2001 và Trần Thanh Đ, sinh ngày 22/6/2006. Hiện nay cháu N và cháu Đ đang sống với anh C. Anh C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh C khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 09/4/2019 đối với bà Hồ Thị T là mẹ ruột của chị M trình bày: C và M tự chung sống với nhau từ năm 2000, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống thời gian đầu có hạnh phúc đến khoảng năm 2006, khi sinh đứa con thứ hai thì C thay đổi, có tình cảm khác bên ngoài nên về nhà thường xuyên đánh đập, hành hung vợ con nên C và M không còn chung sống với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Nay việc C và M ly hôn bà không có ý kiến.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Nguyễn Thị M đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị M đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa: Anh Trần Hùng C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 191, 192, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Anh C trình bày vợ chồng anh chị không có đăng ký kết hôn. Nhưng bà T là mẹ ruột của chị M trình bày anh C và chị M có đăng ký kết hôn. Tòa án cũng đã có công văn hỏi UBND xã Vĩnh Xương về việc kết hôn giữa anh C và chị M thì UBND xã Vĩnh Xương đã có công văn trả lời cho Tòa án là anh C và chị M không có đăng ký kết hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Không công nhận anh Trần Hùng C và chị Nguyễn Thị M là vợ chồng; về nuôi con chung: Đề nghị giao con chung cho anh C được tiếp tục nuôi dưỡng,

chị M không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Anh C khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Trần Hùng C phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Anh Trần Hùng C có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị M, có **nơi cư trú** tại tổ 15, ấp 3, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị M.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Anh Trần Hùng C trình bày, anh và chị M chung sống với nhau từ năm 1998. Không có tổ chức lễ cưới và cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nhưng bà T là mẹ ruột của chị M trình bày anh C và chị M có đăng ký kết hôn. Tòa án cũng đã có công văn số: 108/TA-VP ngày 26/4/2019 để hỏi UBND xã Vĩnh Xương về việc kết hôn giữa anh C và chị M thì UBND xã Vĩnh Xương đã có công văn số: 501/UBND ngày 27/5/2019 trả lời cho Tòa án là anh C và chị M không có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Xương, nên hôn nhân của anh chị được xem là hôn nhân không hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa anh C và chị M là hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi chung sống thì cuộc sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến anh chị không chung sống được với nhau và vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2008 cho đến nay. Do hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét không công nhận anh Trần Hùng C và chị Nguyễn Thị M là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Anh C và chị M có 02 đứa con chung tên Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 25/4/2001 và Trần Thanh Đ, sinh ngày 22/6/2006. Hiện nay cháu N và cháu Đ đang sống với anh C. Anh C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 đứa con chung và cháu N và cháu Đ cũng có nguyện vọng được sống với ba. Tuy nhiên, đến ngày xét xử (23/8/2019) thì cháu Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 25/4/2001 đã trưởng thành và lao động được nên HĐXX không xem xét. Đối với cháu Trần Thanh Đ, sinh ngày 22/6/2006 có nguyện vọng được sống với anh C, do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và vì lợi ích của con HĐXX căn cứ vào các Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nghĩ nên giao cháu Trần Thanh Đ cho anh Trần Hùng C được quyền nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh C không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị M.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên tòa anh C khai vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do chị M vắng mặt nên HĐXX không xem xét về tài sản chung của anh chị. Nếu chị M chứng minh được vợ chồng có tài sản chung và yêu cầu chia tài sản chung thì chị có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[6] Về nợ chung: Anh C khai không có, nên HĐXX cũng không xem xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Trần Hùng C phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận anh Trần Hùng C và chị Nguyễn Thị M là vợ chồng.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung tên Trần Thanh Đ, sinh ngày 22/6/2006 cho anh Trần Hùng C được quyền nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

“Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; chị M có quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở; cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Trần Hùng C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0009668 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

“Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ”.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Lan

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã Vĩnh Xương;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dãm